

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật
trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14; Luật số 62/2020/QH14; Luật số 45/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 55/2024/QH15; Luật số 61/2024/QH15; Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3247/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về điều chỉnh tên chủ đầu tư, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công do tỉnh quản lý sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 76/TTr-SXD ngày 25/3/2026 về việc phê duyệt dự án Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị

bệnh động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa.

2. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên của Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa, tại phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng Tây Thành.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật trực thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa, nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ về chẩn đoán xét nghiệm và điều trị động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản) trong công tác phòng, chống dịch bệnh vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế

Đầu tư xây dựng mới công trình nhà làm việc cho Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật, trang thiết bị, hệ thống PCCC, hạ tầng kỹ thuật khuôn viên và hạng mục phụ trợ. Giải pháp thiết kế chủ yếu như sau:

8.1. Nhà trạm chẩn đoán xét nghiệm 3 tầng:

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 03 tầng; diện tích xây dựng 216,07 m², diện tích sàn khoảng 549,6 m². Chiều cao công trình là 13,65 m (tính từ cốt mặt sân hoàn thiện đến cốt đỉnh mái), trong đó: Tầng 1 cao 3,9 m; tầng 2 cao 3,6 m; tầng 3 cao 3,6 m; mái cao 2,1 m; cốt nền tầng 1 cao hơn cốt mặt sân hoàn thiện 0,45 m.

- Mặt bằng tầng 1 bố trí các phòng: Xử lý mẫu, nhận mẫu và trả kết quả, chuyên viên 1, chuyên viên 2 và khu vệ sinh chung. Mặt bằng tầng 2 bố trí các phòng: vi sinh, huyết thanh, ELISA, ATTP, mix, tách chiết, real-time PCR, PCR và khu tắm, thay đồ. Mặt bằng tầng 3 bố trí các phòng: Trưởng trạm, Phó Trưởng

trạm, chuyên viên 3, chuyên viên 4 và khu vệ sinh chung.

- Giao thông đứng trong công trình bằng 01 thang bộ; giao thông ngang bằng hành lang giữa nhà rộng 2,0 m.

- Tường xây gạch không nung kết hợp vách kính khung nhôm; trần, tường trong và ngoài nhà sơn trực tiếp; tường các phòng nhận mẫu, xử lý mẫu, trả kết quả và các phòng thí nghiệm tầng 2 ốp gạch ceramic đến đáy dầm; nền nhà lát gạch ceramic.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa khung nhôm hệ, kính cường lực dày 6,38 mm; hoa sắt cửa sổ dùng sắt vuông, sơn tĩnh điện.

- Thang bộ: bậc xây gạch không nung; mặt bậc, cở bậc ốp đá granite tự nhiên; lan can cầu thang bằng inox 304. Bậc lên xuống khu sảnh chính xây bằng gạch không nung, lát đá granite tự nhiên.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng: sử dụng giải pháp móng băng, giằng BTCT đổ tại chỗ trên nền đất tự nhiên; tường móng xây bằng gạch không nung.

- Phần thân: sử dụng giải pháp khung BTCT chịu lực; hệ cột, dầm, sàn BTCT đổ liền khối; mái xây tường thu hồi, xà gồ thép hộp, lợp tôn.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ nguồn điện hiện có của Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa, cấp đến tủ điện tổng của công trình, sau đó phân phối đến các thiết bị tiêu thụ điện. Hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa PVC.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét, dây dẫn sét, dây tiếp địa bằng thép; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

- Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước sạch của khu vực, qua téc nước đặt trên mái, cấp đến các thiết bị dùng nước.

- Nước thải từ xí, tiểu được thu vào bể tự hoại xử lý, sau đó thoát ra rãnh thoát nước chung; nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào hệ thống ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài.

- Nước mưa trên mái được thu về sê nô xung quanh mái, qua các ống đứng dẫn ra rãnh thoát nước bên ngoài.

- Nước thải từ hoạt động thí nghiệm, xét nghiệm được thu gom về bể xử lý riêng, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra hệ thống thoát nước khu vực.

e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy:

Sử dụng bình chữa cháy xách tay, đầu báo cháy, chuông, đèn báo cháy, bảng nội quy và tiêu lệnh chữa cháy.

8.2. Các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật khuôn viên:

- Nhà đặt máy bơm (bố trí trong Nhà xe 2): Công trình 01 tầng, diện tích xây dựng 13,2 m²; chiều cao công trình 2,8 m; cốt nền cao hơn cốt mặt sân hoàn thiện 0,45 m.

- Bể nước PCCC: kích thước 8 × 4 × 2 m; cốt đỉnh bể thấp hơn cốt mặt sân hoàn thiện 0,25 m.

- Bể xử lý nước thải thí nghiệm (đặt ngầm trong khu đất cây xanh cạnh Nhà Trạm Chẩn đoán, xét nghiệm): Kích thước 7 × 3,25 × 2 m; cốt đỉnh bể thấp hơn cốt mặt sân hoàn thiện 0,25 m.

- Sân bê tông: Hoàn trả sân bê tông với diện tích khoảng 130,0 m²; kết cấu gồm: nền đất hiện trạng, lớp lót nilon tái sinh, lớp bê tông.

- Các hạng mục khác: Bể xử lý nước thải sinh hoạt; hệ thống thoát nước ngoài nhà (hố ga, rãnh thoát nước); hệ thống cấp nước ngoài nhà; tường bao, vườn hoa... được thiết kế đồng bộ kèm theo.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 2703/SXD-HĐXD ngày 24/3/2026.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 6.999.804.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	4.597.844.390 đồng;
- Chi phí thiết bị	:	1.244.641.140 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	148.359.540 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	826.585.021 đồng;
- Chi phí khác	:	48.488.314 đồng;
- Chi phí dự phòng	:	133.885.409 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

11. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trong năm 2026.

12. Nguồn vốn: Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 2703/SXD-HĐXD ngày 24/3/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND phường Đông Sơn;
- Lưu: VT, CNXDKH_{HĐXD_TM}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**Dự án: Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật trực thuộc
Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng	4.229.139.679	368.704.711	4.597.844.390
II	Chi phí thiết bị	1.152.445.500	92.195.640	1.244.641.140
III	Chi phí quản lý dự án	148.359.540		148.359.540
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	765.356.501	61.228.520	826.585.021
1	Chi phí khảo sát, lập quy hoạch tổng mặt bằng	255.584.259	20.446.741	276.031.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng giai đoạn lập quy hoạch	801.852	64.148	866.000
3	Chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	282.548.148	22.603.852	305.152.000
4	Chi phí thẩm tra báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	25.780.835	2.062.467	27.843.302
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	18.269.883	1.461.591	19.731.474
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị (Bảng 2.20 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	4.229.475	338.358	4.567.833
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.21 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	138.927.238	11.114.179	150.041.417
8	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị (Bảng 2.22 Thông tư 12/2021/TT-BXD)	9.726.640	778.131	10.504.771
9	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	2.763.889	221.111	2.985.000
10	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	5.381.585	430.527	5.812.112
11	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	5.381.585	430.527	5.812.112
12	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng giai đoạn lập quy hoạch TMB	1.007.407	80.593	1.088.000
13	Chi phí thẩm định giá	14.953.704	1.196.296	16.150.000

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
V	Chi phí khác	47.527.995	960.319	48.488.314
1	Chi phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP)	5.057.629	404.610	5.462.239
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	664.510		664.510
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	34.859.023		34.859.023
4	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư 10/2021/TT-BXD)	6.946.362	555.709	7.502.071
VI	Chi phí dự phòng			133.885.409
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			133.885.409
	Tổng cộng (làm tròn)			6.999.804.000